

Bản án số: 50/2025/HNGĐ - ST

Ngày: 31 - 3 - 2025

V/v ly hôn và nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Ngọc

Bà Hoàng Thị Thoan

- Ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Như Ngọc – Thư ký, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử công khai vụ án sơ thẩm ly hôn thụ lý số 184/2024/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn và nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị [Phạm Thị Hà T](#), sinh năm 1991

Địa chỉ: [Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình](#); có mặt

- Bị đơn: Anh [Luu Minh T1](#), sinh năm 1991

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: [Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình](#); hiện trú tại: 22451 01de [HeWi HRD Lexing ton P](#) – 2068 Hoa Kỳ; vắng mặt (đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, Bản tự khai và tại phiên tòa chị [Phạm Thị Hà T](#) (viết tắt là nguyên đơn) trình bày: Nguyên đơn và anh [Luu Minh T1](#) yêu nhau hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại [Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình](#) vào ngày 14 tháng 12 năm 2020. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân tính tình không hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm sống; năm 2022 anh [Luu Minh T1](#) đi lao động nước ngoài, thời gian đầu có gọi điện về nhà, gần hai năm nay không còn liên lạc, vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Thấy

tình cảm vợ chồng không còn nên nguyên đơn xin được ly hôn anh [Luru Minh T1](#).

Về con chung: Vợ chồng nguyên đơn có 02 con chung [Luru Hà T2](#), sinh ngày 18/01/2019 và [Luru Tuấn D](#), sinh ngày 23/5/2021; hiện hai con chung đang sống cùng nguyên đơn, sau khi ly hôn nguyên đơn xin được tiếp tục nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh [T1](#) đóng góp tiền nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Nguyên đơn thừa nhận không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại Bản tự khai tháng 11/2024 anh [Luru Minh T1](#) (viết tắt là bị đơn) trình bày: Bị đơn đã nhận được thông báo thụ lý giải quyết vụ án về việc nguyên đơn xin ly hôn. Về tình cảm bị đơn nhất trí trình bày của nguyên đơn về quan hệ tình cảm, con cái, tài sản và nợ. Sau khi kết hôn vợ chồng bị đơn sống hạnh phúc được gần 02 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp; năm 2022 bị đơn đi lao động nước ngoài, vợ chồng không còn tin tưởng lẫn nhau, dẫn đến mâu thuẫn tình cảm ngày càng trầm trọng. Nay nguyên đơn xin ly hôn, bị đơn cũng nhất trí ly hôn. Vợ chồng bị đơn có 02 con chung [Luru Hà T2](#), sinh ngày 18/01/2019 và [Luru Tuấn D](#), sinh ngày 23/5/2021; hiện hai con đang sống cùng nguyên đơn, do đang sinh sống ở nước ngoài nên bị đơn nhất trí để nguyên đơn nuôi hai con chung, bị đơn đóng góp tiền nuôi con theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung và nợ: Không có.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn bị đơn, nguyên đơn yêu cầu được nuôi 02 con chung và không yêu cầu bị đơn góp tiền nuôi con; vợ chồng bị đơn không có tài sản chung, nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết, xét xử vụ án, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho nguyên đơn và bị đơn được ly hôn; về con chung: Giao nguyên đơn nuôi dưỡng 02 con chung [T2](#) và [D](#); chấp nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc không yêu cầu bị đơn đóng góp tiền nuôi con chung; tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét. Buộc nguyên đơn phải chịu chi phí tố tụng và án phí sơ thẩm ly hôn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trình bày của nguyên đơn, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn làm đơn xin ly hôn bị đơn, tại Công văn số 2987/CV – QLXNC ngày 29/10/2024 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh [Công an tỉnh Q](#) thì bị đơn đã xuất cảnh ngày 09/4/2022 đến nay chưa nhập cảnh về Việt Nam, theo

quy định tại khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn, nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử theo quy định.

[3] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định. Tháng 11 năm 2024 Tòa án nhận được bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt của bị đơn từ nước ngoài gửi về; tại Kết luận giám định số 1263/KL – KTTHS ngày 28/11/2024 của [Phòng K Công an tỉnh Q](#) kết luận; Chữ viết “Triều” dưới mục người làm đơn tại các mẫu so sánh là bản tự khai, đơn xin xử vắng mặt, giấy ủy quyền và đơn không yêu cầu hòa giải so với chữ “Triều” dưới mục chồng tại giấy đăng ký kết hôn do một người ký ra. Căn cứ khoản 2 Điều 475 và điểm c khoản 2 Điều 478 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án chấp nhận các tài liệu do bị đơn giao nộp để tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[4] Nguyên đơn và bị đơn yêu nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại [Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình](#) vào ngày 14 tháng 12 năm 2020, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc được 02 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân không phù hợp quan điểm sống, vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau; anh chị đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay không còn tình cảm. Nay nguyên đơn xin ly hôn, bị đơn cũng nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử thấy nguyên đơn và bị đơn không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận việc thuận tình ly hôn của nguyên đơn và bị đơn.

[5] Theo tài liệu do bị đơn giao nộp và trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa thì anh chị có 02 con chung [Luu Hà T2](#), sinh ngày 18/01/2019 và [Luu Tuấn D](#), sinh ngày 23/5/2021; hiện hai con đang sống cùng nguyên đơn, sau khi ly hôn nguyên đơn có nguyện vọng được tiếp tục nuôi hai con chung và không yêu cầu bị đơn đóng góp tiền nuôi con. Hội đồng xét xử thấy bị đơn đang ở nước ngoài không có điều kiện nuôi con, để đảm bảo cho hai cháu sinh sống, học tập ổn định; căn cứ Điều 81, Điều 83 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận sự thỏa thuận của anh chị để nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và việc bị đơn không đóng góp tiền nuôi con.

[6] Tại Bản tự khai bị đơn trình bày vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung; tại phiên tòa nguyên đơn thừa nhận vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Quá trình thu thập chứng cứ chi phí tố tụng hết 3.390.000 đồng bị đơn xin chịu toàn bộ chi phí tố tụng, căn cứ Điều 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án chấp nhận sự tự nguyện này.

[8] Tại phiên tòa nguyên đơn xin chịu toàn bộ 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

[9] Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 37, Điều 161, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 273, khoản 2 Điều 475 và điểm c khoản 2 Điều 478 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị [Phạm Thị Hà T](#) và anh [Luu Minh T1](#).

2. Chấp nhận sự thỏa thuận giữa chị [Phạm Thị Hà T](#) và anh [Luu Minh T1](#) về việc chị [Phạm Thị Hà T](#) được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung [Luu Hà T2](#), sinh ngày 18/01/2019 và [Luu Tuấn D](#), sinh ngày 23/5/2021; anh [Luu Minh T1](#) không phải đóng góp tiền nuôi con chung. Anh [Luu Minh T1](#) có quyền được thăm 02 con chung [T2](#) và [D](#) không ai được ngăn cản, sau này một trong hai bên có nhu cầu thay đổi người nuôi con, phí cấp dưỡng nuôi con thì có quyền khởi kiện theo quy định của pháp luật.

3. Chị [Phạm Thị Hà T](#) phải chịu 3.390.000 đồng chi phí tố tụng (chị [T](#) đã nộp đủ).

4. Chị [Phạm Thị Hà T](#) tự nguyện chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0005091 ngày 14/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình; chị [T](#) đã nộp đủ án phí vụ kiện.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho chị [Phạm Thị Hà T](#) có mặt tại phiên tòa biết, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 31/3/2025. Anh [Luu Minh T1](#) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- UBND xã Bắc Trạch;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Nghĩa